HƯỚNG DẪN NỘP ĐƠN XIN XOÁ NỢ KHOẢN VAY DÀNH CHO BÊN VAY

Để nộp đơn xin xoá nợ cho khoản vay theo Chương trình Bảo vệ Tiền lương (PPP), quý vị (Bên vay) có thể sử dụng Mẫu 3508EZ hoặc hoàn thành đơn này theo những hướng dẫn sau đây và **nộp cho Bên cho vay của quý vị** (hoặc Bên cho vay đang đảm nhận khoản vay của quý vị). Bên vay cũng có thể hoàn thành đơn của mình bằng phương thức điện tử thông qua Bên cho vay.

Đơn này gồm các thành phần sau: (1) Mẫu đơn Tính toán Xin xoá nợ Khoản vay PPP; (2) Phụ lục A của PPP; (3) Bảng tính Phụ lục A của PPP; và (4) Mẫu đơn Thông tin Nhân khẩu học của Bên vay theo diện PPP (không bắt buộc). Bên vay phải nộp các giấy tờ (1) và (2) cho Bên cho vay.

Hướng dẫn dành cho Mẫu đơn Tính toán Xin xoá nợ Khoản vay PPP

Tên Pháp lý của Doanh nghiệp ("Bên vay")/Tên hoạt động (DBA) hoặc Tên thương mại (nếu có)/Số nhận dạng Doanh nghiệp đóng thuế (Số nhận dạng người sử dụng lao động (EIN), Số an sinh xã hội (SSN)): Điền thông tin tương tự như trên Mẫu đơn Xin vay của quý vị (Mẫu 2483 của SBA hoặc mẫu tương đương của bên cho vay).

Địa chỉ Doanh nghiệp /Số điện thoại Doanh nghiệp/Người liên hệ Chính/Địa chỉ email: Điền thông tin tương tự như trên Mẫu đơn Xin vay của quý vị, trừ khi có sự thay đổi về địa chỉ hoặc thông tin liên hệ.

Số Tham chiếu khoản vay PPP của SBA: Điền số tham chiếu khoản vay do SBA cấp tại thời điểm phê duyệt khoản vay. Hỏi Bên cho vay để lấy số này nếu cần thiết.

Số Tham chiếu khoản vay PPP của Bên cho vay: Điền số tham chiếu khoản vay mà Bên cho vay gán cho khoản vay theo hình thức PPP.

Số tiền vay PPP: Điền số tiền gốc đã giải ngân của khoản vay PPP (tổng số tiền quý vị đã nhận được từ Bên cho vay).

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin vay: Điền tổng số người lao động tại thời điểm Nộp đơn xin vay PPP của Bên vay.

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin xoá nợ Khoản vay: Điền tổng số người lao động tại thời điểm Bên vay nộp đơn xin xoá nợ khoản vay.

Ngày giải ngân của Khoản vay PPP: Điền ngày mà quý vị nhận được khoản vay PPP từ Bên cho vay. Nếu số tiền cho vay được nhận trong nhiều ngày, hãy điền ngày đầu tiên quý vị nhận được tiền cho vay theo hình thức PPP.

Số tiền Tạm ứng dành cho Khoản vay Khắc phục Tổn thất Kinh tế do Thảm họa (EIDL): Nếu Bên vay được tạm ứng Khoản vay Khắc phục Tổn thất Kinh tế do Thảm họa (EIDL), hãy điền số tiền đó.

Số Đăng ký EIDL: Nếu Bên vay nộp đơn đăng ký khoản vay EIDL, hãy điền Số Đăng ký EIDL của Bên vay.

Lịch trả lương: Chọn ô tương ứng với lịch trả lương của quý vị.

Thời hạn Cho vay: Thời hạn Cho vay là (1) khoảng thời gian 24 tuần (168 ngày) bắt đầu từ Ngày giải ngân Khoản vay PPP hoặc, nếu Bên vay nhận được khoản vay PPP trước ngày 5 tháng 6 năm 2020 thì Bên vay có thể chọn áp dụng Thời hạn Cho vay là tám tuần (56 ngày). Ví dụ: nếu Bên vay đang áp dụng Thời hạn Cho vay là 24 tuần và nhận được khoản vay PPP vào thứ Hai ngày 20 tháng 4, thì ngày đầu tiên của Thời hạn Cho vay phải là ngày 20 tháng 4 và ngày cuối cùng của Thời hạn Cho vay là Chủ nhật, ngày 4 tháng 10. Trong mọi trường hợp, Thời hạn Cho vay không được phép kéo dài quá ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thời hạn Trả lương Thay thế: Để thuận tiện cho việc quản lý, Bên vay có lịch trả lương hai tuần một lần (hoặc thường xuyên hơn) có thể chọn sử dụng thời gian 24 tuần (168 ngày) (hoặc đối với khoản vay nhận được trước ngày 5 tháng 6 năm 2020 tùy theo lựa chọn của Bên vay, thì sử dụng thời gian 8 tuần (56 ngày), bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ thanh toán đầu tiên sau Ngày giải ngân khoản vay PPP, để tính chi phí tiền lương đủ điều kiện. Ví dụ: nếu Bên vay áp dụng Thời hạn Trả lương Thay thế là 24 tuần và nhận được khoản vay theo hình thức PPP vào thứ Hai, ngày 20 tháng 4 và ngày đầu tiên của kỳ thanh toán đầu tiên sau khi giải ngân khoản vay PPP là Chủ nhật, ngày 26 tháng 4, thì ngày đầu tiên của Thời hạn Trả lương Thay thế là ngày 26 tháng 4 và ngày cuối cùng của Thời hạn Trả lương Thay thế là thứ Bảy, ngày 10 tháng 10. Bên vay chọn sử dụng Thời hạn Trả lương Thay thế phải áp dụng Thời hạn Trả lương Thay thế vào bất kỳ phần nào trong đơn này có đề cập đến "Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế." Tuy nhiên, Bên vay chỉ được áp dụng Thời hạn Cho vay (không phải Thời hạn Trả lương Thay thế) vào những phần trong đơn này có đề cập đến "Thời hạn Cho vay". Trong mọi trường hợp, Thời hạn Trả lương Thay thế không được phép kéo dài quá ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Nếu Bên vay Nhận được Khoản vay PPP Vượt quá 2 triệu đô la: Đánh dấu vào ô này nếu Bên vay, cùng với các chi nhánh của họ (trong phạm vi bắt buộc theo quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA đối với các chi nhánh(85 FR 20817 (ngày 15 tháng 4 năm 2020)) và không được miễn trừ theo 15 U.S.C. 636(a)(36)(D)(iv)), đã nhận được các khoản vay PPP với số tiền gốc ban đầu vượt quá 2 triệu đô la.

Tính toán Số tiền được Xoá nợ (xem Tóm tắt các Chi phí Đủ điều kiện để được Xoá nợ dưới đây):

Dòng 1: Điền tổng chi phí tiền lương đủ điều kiện phát sinh hoặc được thanh toán trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế. Để tính toán các chi phí này, hãy hoàn thành Phụ lục A của PPP. Điền số tiền từ Phụ lục A của PPP, dòng 10.

Dòng 2: Điền số tiền thanh toán khoản lãi thế chấp doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay cho bất kỳ nghĩa vụ thế chấp doanh nghiệp nào đối với bất động sản hoặc động sản phát sinh trước ngày 15 tháng 2 năm 2020. Không bao gồm các khoản trả trước.

Dòng 3: Điền số tiền thanh toán khoản thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh dành cho bất động hoặc động sản trong Thời hạn Cho vay, theo các thỏa thuận cho thuê có hiệu lực trước ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Dòng 4: Nhập số tiền thanh toán khoản tiện ích doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay, cho các tiện ích doanh nghiệp bắt đầu dịch vụ trước ngày 15 tháng 2 năm 2020.

LƯU Ý: Đối với dòng 2-4, quý vị không bắt buộc phải báo cáo các khoản thanh toán mà quý vị không muốn đưa vào số tiền xoá nợ.

Dòng 5: Điền số từ Phụ lục A của PPP, dòng 3. Số tiền này phản ánh mức giảm xoá nợ khoản vay cần thiết cho việc giảm lương/tiền công theo giờ vượt quá 25% cho một số người lao động nhất định như được mô tả trong Phụ lục A của PPP.

Dòng 6: Cộng các dòng từ 1 đến 4, trừ đi dòng 5, điền tổng số. Nếu số tiền này nhỏ hơn 0, điền số 0.

Dòng 7: Điền số từ Phụ lục A của PPP, dòng 13.

Dòng 8: Điền số tiền ở dòng 6 nhân với số tiền ở dòng 7. Tính toán này kết hợp việc giảm mức độ xoá nợ khoản vay cần thiết cho bất kỳ khoản giảm cho người lao động làm tương đương toàn thời gian (FTE) nào được mô tả trong Phụ lục A.

Dòng 9: Điền Số tiền vay PPP.

Dòng 10: Chia số tiền ở dòng 1 cho 0.60 và điền số tiền. Điều này giúp xác định xem liệu ít nhất 60% số tiền xoá nợ tiềm năng có được sử dụng cho chi phí tiền lương hay không.

Dòng 11: Điền số nhỏ nhất trong số các dòng 8, 9 hoặc 10. Lưu ý: Nếu có thể, SBA sẽ khấu trừ Số tiền Tạm ứng Khoản vay EIDL từ số tiền xoá nợ của Bên cho vay.

Tóm tắt các Chi phí Đủ điều kiện để Xoá nợ:

Bên vay đủ điều kiện được xoá nợ khoản vay với các chi phí sau:

1. **Chi phí tiền lương đủ điều kiện.** Bên vay thường đủ điều kiện để được xoá nợ cho các chi phí tiền lương phải trả và chi phí tiền lương phát sinh trong Thời hạn Cho vay kéo dài 24 tuần (168 ngày) hoặc 8 tuần (56 ngày) (hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế) ("chi phí tiền lương"). Chi phí tiền lương được coi là đã trả vào ngày mà tiền lương được phát hoặc Bên vay tạo giao dịch qua tín dụng của hệ thống thanh toán bù trừ tự động (ACH). Chi phí tiền lương được coi là phát sinh vào ngày người lao động nhận được lương. Chi phí tiền lương phát sinh nhưng không được thanh toán trong thời hạn thanh toán cuối cùng của Bên vay trong Thời hạn Cho vay (hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế) sẽ đủ điều kiện để được xoá nợ nếu được trả vào hoặc trước ngày trả lương thường lệ tiếp theo. Mặt khác, chi phí tiền lương phải được thanh toán trong Thời hạn Cho vay (hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế). Đối với mỗi người lao động, tổng số tiền thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện để được xoá nợ không được vượt quá mức lương hàng năm là 100,000 đô la, được chia tỷ lệ theo Thời hạn Cho vay. Tính chi phí tiền lương được thanh toán và phát sinh trong một lần duy nhất. Để biết thông tin về chi phí tiền lương hợp lệ, xem Quy tắc Cuối cùng Tạm thời về Chương trình Bảo vệ Tiền lương được đăng vào ngày 2 tháng 4 năm 2020 (85 FR 20811) (được sửa đổi theo Quy tắc Tạm thời Đầu tiên, đăng vào ngày 11 tháng 6 năm 2020). Chỉ bao gồm chi phí tiền lương cho những người lao động có nơi cư trú chính ở Hoa Kỳ.

2. **Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện.** Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện để được xoá nợ bao gồm:
   (a) nghĩa vụ thế chấp được bảo hiểm: khoản thanh toán tiền lãi thế chấp (không bao gồm bất kỳ khoản trả trước hoặc trả gốc) đối với bất kỳ nghĩa vụ thế chấp doanh nghiệp nào đối với bất động sản hoặc động sản phát sinh trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 ("thanh toán lãi thế chấp doanh nghiệp");
   (b) nghĩa vụ cho thuê được bảo hiểm: khoản thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp dành cho bất động hoặc động sản có hiệu lực trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 (“thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp”); và
   (c) thanh toán tiện ích được bảo hiểm: khoản thanh toán doanh nghiệp cho dịch vụ phân phối điện, gas, nước, điện thoại, giao thông, hoặc truy cập internet, dịch vụ này bắt đầu trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 ("thanh toán tiện ích doanh nghiệp").
   Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện phải được thanh toán trong Thời hạn Cho vay hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay và được thanh toán vào hoặc trước ngày thanh toán thông thường tiếp theo, ngay cả khi ngày thanh toán là sau Thời hạn Cho vay. Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện không được vượt quá 40% tổng số tiền xoá nợ. Tính chi phí phi tiền lương được thanh toán và phát sinh trong một lần duy nhất.

Số tiền xoá nợ khoản vay mà Bên vay áp dụng có thể bị giảm như được giải thích trong Phụ lục A của PPP.

Hướng dẫn dành cho Phụ lục A của PPP

Dòng 1 đến 5: Điền số tiền từ Bảng tính Phụ lục A của PPP theo hướng dẫn.

Điền số tiền từ dòng 3 trong Phụ lục A của PPP vào dòng 5 của Mẫu đơn Xin xoá nợ.

Từ dòng 6 đến 9, trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương thay thế:

Dòng 6: Điền tổng số tiền mà Bên vay phải trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động dành cho bảo hiểm sức khỏe của người lao động, bao gồm các khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho chương trình bảo hiểm sức khỏe tập thể được bảo lãnh bởi người sử dụng lao động hoặc tự bảo hiểm, nhưng không bao gồm bất kỳ khoản đóng góp trước thuế hoặc sau thuế của người lao động. Không cộng thêm các khoản đóng bảo hiểm sức khỏe của chủ lao động được chi trả trên danh nghĩa một cá nhân kinh doanh, thành viên hợp danh hoặc nhân viên là chủ sở hữu của một công ty S (S-corporation), bởi vì các khoản chi trả đó đã được bao gồm trong thù lao của họ.

Dòng 7: Điền tổng số tiền mà Bên vay trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động vào các kế hoạch nghỉ hưu của người lao động, không bao gồm bất kỳ khoản đóng góp trước thuế hoặc sau thuế nào của người lao động. Không cộng thêm các khoản đóng góp hưu trí của chủ lao động được chi trả trên danh nghĩa một cá nhân kinh doanh hoặc thành viên hợp danh bởi vì các khoản chi trả đó đã được bao gồm trong thù lao của họ.

Dòng 8: Điền tổng số tiền mà Bên vay phải trả cho thuế tiểu bang và thuế địa phương của người sử dụng lao động dựa trên khoản bồi thường cho người lao động (ví dụ: thuế bảo hiểm thất nghiệp của tiểu bang); không liệt kê bất kỳ khoản thuế nào được khấu trừ từ thu nhập của người lao động.

Dòng 9: Điền bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho chủ sở hữu (doanh nghiệp tư nhân, cá nhân kinh doanh hoặc thành viên hợp danh). Đối với Bên vay áp dụng Thời hạn Cho vay là 24 tuần, số tiền này được giới hạn ở mức 20,833 đô la (tương đương mức 100,000 đô la mỗi năm trong 2.5 tháng) cho mỗi cá nhân hoặc tương đương khoản thù lao được áp dụng năm 2019 trong 2.5 tháng, tùy theo mức nào thấp hơn. Đối với Bên vay áp dụng Thời hạn Cho vay là 8 tuần, số tiền này được giới hạn ở mức 15,385 đô la (tương đương mức 100,000 đô la mỗi năm trong tám tuần) cho mỗi cá nhân hoặc tương đương khoản thù lao được áp dụng năm 2019 trong tám tuần, tùy theo mức nào thấp hơn.

Dòng 10: Cộng các dòng 1, 4, 6, 7, 8, và 9. Điền số tiền này vào dòng 1 trên Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP.

Dòng 11: Điền tổng số tương đương toàn thời gian (FTE) trung bình hàng tuần của Bên vay trong khoảng thời gian tham chiếu đã chọn. Đối với mục đích của tính toán này, theo lựa chọn của Bên vay, thời gian tham chiếu là (i) ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019; (ii) ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc (iii) trong trường hợp sử dụng lao động thời vụ thì thời gian tham chiếu là các khoảng thời gian trước hoặc khoảng thời gian 12 tuần liên tiếp từ ngày 1 tháng 5 năm 2019 đến ngày 15 tháng 9 năm 2019. Đối với mỗi người lao động, hãy làm theo phương pháp tương tự đã được sử dụng để tính FTE trung bình trên Bảng tính trong Phụ lục A của PPP. Cộng toàn bộ người lao động trong thời gian tham chiếu và điền tổng số đó lên dòng này.

Các tính toán ở các dòng 11, 12 và 13 sẽ được dùng để xác định xem số tiền xoá nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không dựa trên việc giảm số lượng người lao động tương đương toàn thời gian, theo yêu cầu của luật định. Cụ thể, số tiền xoá nợ khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể bị giảm đi nếu số người lao động FTE trung bình hàng tuần của Bên vay trong Thời hạn Cho vay (hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế) ít hơn trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay. Bên vay được miễn khoản giảm đó và nên bỏ qua các dòng 11 và 12 nếu đáp ứng bất kỳ một trong ba tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục A của PPP theo mục Tính toán Khoản giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE).

Dòng 12: Cộng các dòng 2 và 5.

Dòng 13: chia dòng 12 cho dòng 11 (hoặc nhập 1.0 nếu đáp ứng bất kỳ một trong ba tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục A của PPP theo mục Tính toán Khoản giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE). Nếu nhiều hơn 1.0, điền 1.0. Điền số tiền này vào dòng 7 trên Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP.

Hướng dẫn dành cho Bảng tính trong Phụ lục A của PPP

Hoàn thành Bảng tính Phụ lục A của PPP hoặc nhận bản báo cáo tương đương từ hệ thống bảng lương hoặc bộ xử lý bảng lương của Bên vay.

Hướng dẫn dành cho Bảng biểu

Tên người lao động: Liệt kê riêng từng người lao động. Không bao gồm bất kỳ nhà thầu độc lập, doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân kinh doanh hoặc thành viên nào.

Mã định danh Người lao động: Nhập bốn chữ số cuối của Số An sinh Xã hội của mỗi người lao động.

Thù lao bằng Tiền mặt: Điền tổng tiền lương gộp, tiền công gộp, tiền boa gộp, tiền hoa hồng gộp, nghỉ có lương (nghỉ phép, công việc gia đình, nghỉ ốm, không bao gồm nghỉ phép theo Đạo luật Ứng phó với virus corona và Đặt các gia đình là ưu tiên cao nhất) và các khoản trợ cấp thôi việc hoặc tiền bồi thường thôi việc được trả hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế. Đối với mỗi người lao động, tổng số tiền thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện để được xoá nợ không được vượt quá mức lương hàng năm là 100,000 đô la, được chia tỷ lệ theo Thời hạn Cho vay. Trong Thời hạn Cho vay là 8 tuần, tổng số đó là 15,385 đô la. Trong Thời hạn Cho vay là 24 tuần, tổng số đó là 46,154 đô la.

FTE Trung bình: Phần này sẽ tính toán tương đương toàn thời gian trung bình (FTE) trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế. Đối với mỗi người lao động, hãy điền số giờ trung bình được trả mỗi tuần, chia cho 40 và làm tròn tổng số lên đến một phần mười gần nhất. Mức giới hạn tối đa cho mỗi người lao động là 1.0. Bên vay có thể lựa chọn dùng phương pháp đơn giản hóa chỉ định 1.0 cho người lao động làm việc 40 giờ trở lên mỗi tuần và 0.5 cho nhân viên làm việc ít giờ hơn.

Tính toán này sẽ được dùng để xác định xem số tiền xoá nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không do yêu cầu theo luật định liên quan đến việc giảm cho người lao động toàn thời gian. Bên vay có đủ điều kiện để được xoá nợ cho khoản vay đối với các khoản chi tiêu nhất định trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế. Tuy nhiên, số tiền xoá nợ cho khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể ít hơn, tùy thuộc vào số lượng người lao động FTE trung bình hàng tuần của Bên vay trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế ít hơn trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay (*xem* Hướng dẫn dành cho dòng 11 trong Phụ lục A của PPP). Bên vay được miễn khoản giảm đó nếu áp dụng một trong hai quy định về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE. Xem Hướng dẫn về quy định Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE ở bên dưới.

Mức giảm Lương/Tiền Công Theo Giờ: Tính toán này sẽ được dùng để xác định xem số tiền xoá nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không do yêu cầu theo luật định liên quan đến việc giảm tiền lương và tiền công của người lao động. Bên vay có đủ điều kiện để được xoá nợ cho khoản vay đối với các khoản chi tiêu nhất định trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế. Tuy nhiên, số tiền xoá nợ cho khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể ít hơn, tùy thuộc vào mức lương hoặc tiền công theo giờ của một số người lao động trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế có ít hơn trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020 hay không. Nếu Bên vay khôi phục mức lương/tiền công theo giờ, Bên vay có thể đủ điều kiện để được loại bỏ số tiền Giảm Lương/Tiền công Theo giờ. Bên vay phải hoàn thành bảng tính này để xác định xem có nên giảm số tiền xoá nợ cho khoản vay mà họ đủ điều kiện hay không. Hoàn thành cột Giảm Lương/Tiền công Theo giờ dành riêng cho nhân viên có mức lương hoặc tiền công theo giờ đã giảm hơn 25% trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế so với giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020. Đối với mỗi người lao động được liệt kê trong Bảng 1, hãy hoàn thành những phần sau (dùng tiền lương cho người lao động được trả lương và tiền công theo giờ cho người lao động làm theo giờ):

Bước 1. Xác định xem khoản thanh toán đã giảm hơn 25% hay chưa.

a. Điền mức lương trung bình hàng năm hoặc tiền công theo giờ trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế: _____.
b. Điền mức lương trung bình hàng năm hoặc tiền công theo giờ trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020: _____.
c. Chia giá trị đã điền ở 1.a. cho 1.b.: _____.
Nếu 1.c. là lớn hơn 0.75, điền số 0 vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó; nếu không thì tiến hành Bước 2.

Bước 2. Xác định xem quy định Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ có được đáp ứng hay không.

a. Điền mức lương hàng năm hoặc tiền công theo giờ kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2020: _____.
b. Điền mức lương trung bình hàng năm hoặc tiền công theo giờ trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020: _____.
Nếu 2.b. bằng hoặc lớn hơn 2.a., bỏ qua Bước 3. Nếu không, tiến hành 2.c.
c. Nhập tiền lương hàng năm hoặc tiền công theo giờ trung bình tính đến đầu ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày nộp đơn này: _____.
Nếu 2.c. bằng hoặc lớn hơn 2.a. thì Đạo luật Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ đã được đáp ứng – nhập số 0 vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó. Nếu không tiến hành Bước 3.

Bước 3. Xác định Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ.

a. Nhân số tiền đã điền ở 1.b. với 0.75: _____.
b. Lấy 3.a. trừ đi số tiền đã điền ở 1.a.: _____.

Nếu người lao động là một công nhân làm việc theo giờ, hãy tính tổng số tiền giảm vượt quá 25% như sau:

c. Điền số giờ làm việc trung bình mỗi tuần trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020: _____.

d. Nhân số tiền điền ở 3.b. với số tiền điền ở 3.c. _____. Nhân số tiền này với 24 (nếu Bên vay đang áp dụng Thời hạn Cho vay là 24 tuần) hoặc 8 (nếu Bên vay đang áp dụng Thời hạn Cho vay là 8 tuần): _____. Điền giá trị này vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó.

Nếu người lao động là nhân viên được trả lương, hãy tính tổng số tiền giảm vượt quá 25% như sau:

e. Nhân số tiền đã nhập ở 3.b. với 24 (nếu Bên vay đang áp dụng Thời hạn Cho vay là 24 tuần) hoặc 8 (nếu Bên vay đang áp dụng Thời hạn Cho vay là 8 tuần): _____. Nhân số tiền này với 52: _____. Điền giá trị này vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó.

Các Ngoại lệ của Mức giảm FTE: Hãy chỉ rõ FTE của (1) bất kỳ vị trí nào mà Bên vay đã gửi thư mời làm việc một cách thiện chí và bằng văn bản để tuyển lại một người từng là nhân viên của Bên vay vào ngày 15 tháng 2 năm 2020 và Bên vay không thể tuyển được những nhân viên có trình độ tương tự cho các vị trí chưa được lấp đầy vào ngày hoặc trước ngày 31 tháng 12 năm 2020; (2) bất kỳ vị trí nào mà Bên vay đã gửi thư đề nghị một cách thiện chí và bằng văn bản để đề nghị làm bù lại bất kỳ giờ làm việc nào bị giảm, với cùng mức lương hoặc tiền công, trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời gian Trả lương Thay thế nhưng nhân viên đã từ chối lời đề nghị đó, và (3) bất kỳ nhân viên nào mà, trong Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế, (a) bị sa thải có lý do, (b) tự nguyện xin nghỉ việc, hoặc (c) tự nguyện yêu cầu giảm giờ làm và được chấp thuận. Trong tất cả các trường hợp này, chỉ bao gồm các FTE này ở dòng này nếu không tuyển được người lao động mới để lấp đầy vị trí đó. Bất kỳ khoản giảm FTE nào trong những trường hợp này đều không làm giảm mức xoá nợ cho khoản vay của Bên vay.

Ô 1 đến 5: Điền tổng số tiền vào mỗi cột.

Quy định về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE

Hai quy định riêng biệt về bến cảng an toàn cho phép miễn cho một số bên vay khỏi bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm mức nhân viên FTE:

1. Bên vay được miễn khỏi việc bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm số nhân viên FTE như mô tả ở trên nếu Bên vay, có tài liệu chứng minh một cách trung thực rằng Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về an toàn cho người lao động hoặc khách hàng liên quan đến COVID-19.

2. Bên vay được miễn khỏi bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm số nhân viên FTE được mô tả ở trên nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau: (a) Bên vay giảm số nhân viên FTE trong giai đoạn bắt đầu từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020; và (b) sau đó Bên vay đã khôi phục mức nhân viên FTE của mình không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2020 về mức nhân viên FTE trong kỳ thanh toán của Bên vay có chứa ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Các tài liệu mà Bên Vay Phải Nộp cùng với Đơn Xin Xoá Nợ cho Khoản vay PPP

Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP

Phụ lục A của PPP

Tiền lương: Tài liệu xác minh khoản thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện và các khoản thanh toán phúc lợi không dùng tiền mặt từ Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế bao gồm những giấy tờ sau đây:

a. Sao kê tài khoản ngân hàng hoặc báo cáo từ nhà cung cấp dịch vụ trả lương bên thứ ba cung cấp thông tin về số tiền thù lao bằng tiền mặt trả cho người lao động.
b. Biểu thuế (hoặc báo cáo tương đương của nhà cung cấp dịch vụ trả lương bên thứ ba) cho các khoảng thời gian trùng với Thời hạn Cho vay hoặc Thời hạn Trả lương Thay thế:
    i. Hồ sơ thuế quỹ lương được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho IRS (thường là Mẫu 941); và
    ii. Báo cáo tiền lương của doanh nghiệp và người lao động hàng quý và hồ sơ thuế bảo hiểm thất nghiệp được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho tiểu bang có liên quan.
c. Biên lai thanh toán, séc bị hủy hoặc báo cáo tài khoản ghi lại số tiền đóng góp của người sử dụng lao động cho bảo hiểm sức khỏe và các chương trình hưu trí của người lao động mà Bên vay bao gồm trong số tiền xoá nợ (mục (6) và (7) trong Danh mục A của PPP)).

FTE: Các giấy tờ thể hiện (tùy theo lựa chọn của Bên vay):

a. số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
b. số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc
c. trong trường hợp người sử dụng lao động thời vụ, số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019; trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc bất kỳ khoảng thời gian 12 tuần liên tiếp nào từ ngày 1 tháng 5 năm 2019 đến ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Khoảng thời gian đã chọn phải là chính là khoảng thời gian được chọn cho các mục đích hoàn thành dòng 11 Phụ lục A của PPP. Các tài liệu có thể bao gồm hồ sơ thuế quỹ lương được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho IRS (thường là Mẫu 941) và báo cáo tiền lương của doanh nghiệp và cá nhân hàng quý và hồ sơ thuế bảo hiểm thất nghiệp, hoặc sẽ được báo cáo cho tiểu bang liên quan. Tài liệu được nộp có thể bao gồm các khoảng thời gian dài hơn khoảng thời gian cụ thể.

Phi tiền lương: Tài liệu xác minh sự tồn tại của các nghĩa vụ/dịch vụ trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 và các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Thời hạn Cho vay.

a. Các khoản thanh toán lãi thế chấp doanh nghiệp: Bản sao danh mục khấu hao và biên lai cho vay hoặc séc bị hủy để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Thời hạn Cho vay; hoặc sao kê tài khoản bên cho vay từ tháng 2 năm 2020 và các tháng của Thời hạn Cho vay cho đến một tháng sau khi kết thúc Thời hạn Cho vay để xác minh số tiền lãi và các khoản thanh toán đủ điều kiện.
b. Các khoản thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp: Bản sao hợp đồng cho thuê hiện tại và biên lai hoặc séc bị hủy để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Thời hạn Cho vay; hoặc sao kê tài khoản của bên cho thuê từ tháng 2 năm 2020 và từ Thời hạn Cho vay cho đến một tháng sau khi kết thúc Thời hạn Cho vay để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện.
c. Các khoản thanh toán tiện ích doanh nghiệp: Bản sao hóa đơn từ tháng 2 năm 2020 và những hóa đơn được thanh toán trong Thời gian cho vay và biên lai, séc bị hủy hoặc sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó.

Những Tài liệu mà Bên Vay Phải Giữ nhưng Không Bắt Buộc Phải Nộp

Bảng tính Phụ lục A của PPP hoặc tương đương và các giấy tờ sau đây:

a. Tài liệu hỗ trợ việc liệt kê từng người lao động trong Bảng 1 của Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP, bao gồm cách tính "Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ", nếu cần thiết.
b. Tài liệu hỗ trợ việc liệt kê từng người lao động trong Bảng 2 của Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP; cụ thể, những người lao động được liệt kê đã nhận được thù lao nhiều hơn 100,000 đô la trong bất kỳ khoảng thời gian trả lương nào trong năm 2019 tính theo mức lương hàng năm.
c. Các tài liệu liên quan đến bất kỳ lời mời và từ chối công việc nào của nhân viên, từ chối chấp nhận làm bù lại số giờ bị cắt giảm, sa thải có lý do, tự nguyện thôi việc, văn bản đề nghị của bất kỳ nhân viên nào để xin giảm lịch làm việc, và việc không thể tuyển được những nhân viên có trình độ tương tự vào ngày hoặc trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.
d. Các tài liệu củng cố cho nội dung xác nhận, nếu có, rằng Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh,

hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19. Tài liệu này phải bao gồm bản sao của các quy định hiện hành áp dụng cho từng địa điểm của bên vay và hồ sơ tài chính có liên quan của bên vay.

e. Tài liệu hỗ trợ Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP "Quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE."

Tất cả các hồ sơ liên quan đến khoản vay PPP của Bên vay, bao gồm tài liệu được gửi cùng với đơn xin vay PPP, tài liệu hỗ trợ các chứng nhận của Bên vay về sự cần thiết của yêu cầu vay và khả năng đủ điều kiện cho khoản vay PPP, tài liệu cần thiết để hỗ trợ cho đơn xin xoá nợ cho khoản vay của Bên vay và tài liệu chứng minh sự tuân thủ nghiêm chỉnh của Bên vay với các yêu cầu của PPP. Bên vay phải giữ lại tất cả các tài liệu đó trong các hồ sơ của mình trong sáu năm sau ngày khoản vay được xoá nợ hoặc hoàn trả đầy đủ, và cho phép các đại diện được ủy quyền của SBA, bao gồm cả đại diện của Văn phòng Tổng thanh tra tiếp cận các tài liệu theo như được yêu cầu.